

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ- THPĐB ngày 19/12/2024 của trường TH Phương Đông B)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | -                 |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | -                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | -                 |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp</b>                               | -                 |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | -                 |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | -                 |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | -                 |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | (4.150.990)       |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | (4.150.990)       |
| a          | Chi thanh toán cá nhân                             | (2.723.157)       |
| b          | Chi nghiệp vụ chuyên môn                           |                   |
| c          | Chi mua sắm sửa chữa lớn                           |                   |
| d          | Chi khác                                           |                   |
|            | Mục 7750: Chi khác                                 | (1.427.833)       |

Kế toán



Nguyễn Thị Tú Uyên

Ngày 19 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lại Thị Thanh Linh